

Số: 14/2018/QĐST-DS

Dầu Tiếng, ngày 08 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu tuyên bố một người mất tích
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2018/TLST- DS ngày 06 tháng 04 năm 2018 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 13/2018/QĐST- DS ngày 18 tháng 9 năm 2018, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1960. Hộ khẩu thường trú: Khu phố A, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Dương. Hiện ngụ tại: Số B hẻm C, đường E, khu phố F, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Minh D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ông Nguyễn Minh D và bà Đỗ Thị Bé S là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Dương vào ngày 18/12/2008. Sau khi kết hôn ông D, bà S cùng sinh sống tại khu phố A, thị trấn D, sau đó cả hai chuyển về cư ngụ tại địa chỉ số B hẻm C, đường E, khu phố F, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Dương. Đến tháng 4/2014, bà S đã bỏ đi biệt tích đến nay. Sau khi bà S bỏ đi, ông D đã tìm kiếm nhiều lần nhưng không có tin tức của bà S. Vì vậy, ông D yêu cầu Tòa án tuyên bố bà S mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng nhận định:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Nguyễn Minh D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành mở phiên họp vắng mặt đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Minh D yêu cầu Tòa tuyên bố bà Đỗ Thị Bé S mất tích. Đây là việc dân sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Đỗ Thị Bé S có nơi cư trú cuối cùng tại số B hẻm C, đường E, khu phố F, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Dương, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 35 và điểm b Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Ông Nguyễn Minh D và bà Đỗ Thị Bé S là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Dương vào ngày 18/12/2008. Sau khi kết hôn ông D, bà S cùng sinh sống tại khu phố A, thị trấn D, sau đó cả hai chuyển về cư ngụ tại địa chỉ số B hẻm C, đường E, khu phố F, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Dương. Đến tháng 4/2014, bà S đã bỏ đi biệt tích đến nay. Sau khi bà S bỏ đi, ông D đã tìm kiếm nhiều lần nhưng không có tin tức của bà S. Vì vậy, ông D yêu cầu Tòa án tuyên bố bà S mất tích.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật Dân sự “Khi một người biệt tích 02 năm liền trở lên, mặc dù đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc người đó còn sống hay đã chết thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án có thể tuyên bố người đó mất tích”. Bà Đỗ Thị Bé S đã đi biệt tích từ tháng 4/2014 đến nay, mặc dù ông D đã đăng báo, nhắn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm tin tức của bà S, nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì của bà S. Do đó, việc ông Nguyễn Minh D yêu cầu tuyên bố bà Đỗ Thị Bé S mất tích là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp và đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh D về việc tuyên bố bà Đỗ Thị Bé S mất tích. Đề nghị này phù hợp với quy định pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Về lệ phí: Ông Nguyễn Minh D phải chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

[7] Chi phí đăng tin 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm ngàn đồng), ông D phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 27; điểm a Khoản 2 Điều 35; điểm b Khoản 2 Điều 39; Điều 361, 367, 370, 371, 372, 389 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh D về việc yêu cầu tuyên bố bà Đỗ Thị Bé S mất tích.

Tuyên bố bà Đỗ Thị Bé S, sinh năm 1968; hộ khẩu thường trú: khu phố A, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú cuối cùng: số B hẻm C, đường E, khu phố F, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Dương mất tích.

2. Về lệ phí:

Ông Nguyễn Minh D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí ông D đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011595 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Chi phí đăng tin: Ông Nguyễn Minh D phải chịu 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm ngàn đồng) và ông D đã thực hiện xong.

Ông Nguyễn Minh D vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định giải quyết việc dân sự được niêm yết công khai tại địa phương theo Luật định.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Huyền

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
 - (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).
 - (3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
 - (4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.
 - (5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.
 - (6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).
 - (7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
 - (8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
 - (9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày.....tháng.... năm....).
- (10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.
 - (11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

- (12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).
- (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).
- (14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.
- (15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.
- (18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].
- (19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.
- (21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.
- (22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.
- (23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- (24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”